

CÁC CHỈ SỐ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI Ý NGHĨA VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM

TUỖNG DUY KIỀN*

Cùng với việc xây dựng chỉ số phát triển con người để đo mức độ phát triển của mỗi quốc gia trên thế giới¹, trong một số năm trở lại đây, nhiều chuyên gia, nhà nghiên cứu khoa học đã bàn tới chỉ số về quyền con người và từ năm 2006, Liên hợp quốc đã chính thức khởi sự xây dựng các báo cáo có liên quan tới việc xác định và sử dụng các chỉ số nhằm thúc đẩy và giám sát việc thực hiện quyền con người.

1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của chỉ số về quyền con người

Trước khi đi vào định nghĩa thế nào là chỉ số quyền con người, cần thiết phải hiểu thế nào là chỉ số. Hiện nay trong sách báo khoa học có nhiều định nghĩa khác nhau về chỉ số, thế nào là chỉ số? Mục đích của chỉ số là gì? Chỉ số có gì khác với thống kê... đã được đưa ra bàn thảo và tranh luận. Trong Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS quốc gia của Việt Nam, giải thích: “Chỉ số là những thông tin định tính và định lượng cho một nhóm mục đích, mục tiêu và chỉ tiêu. Chỉ số là công cụ của hệ thống theo dõi và đánh giá nhằm đo lường việc triển khai chương trình hoặc tác động theo thời gian”²

Trong Báo cáo của LHQ về chỉ số giám sát tuân thủ các điều ước quốc tế về quyền con người, các chỉ số về quyền con người được hiểu là: “những thông tin cụ thể về tính chất của một sự kiện, một hoạt động hoặc một kết quả có liên quan tới các quy phạm và chuẩn mực nhân quyền; nó giải quyết và phản ánh về mối quan tâm và các nguyên tắc nhân quyền; và được sử dụng để đánh giá và giám sát việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền”³

Các chỉ số nhân quyền là những công cụ hữu ích cho thúc đẩy và giám sát thực hiện nhân quyền. Các điều ước quốc tế về quyền con người và thẩm quyền của các ủy ban công ước về nhân quyền kêu gọi các quốc gia nên xây dựng và phát triển các chỉ số thống kê tuân thủ các quy tắc và chuẩn mực quốc tế về nhân quyền.

Lấy tại sao cần có các chỉ số về nhân quyền?

Các điều ước quốc tế về nhân quyền được cộng đồng quốc tế thiết lập, cũng như các

* PGS. TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Chỉ số phát triển con người (*Human Development Index - HDI*) là chỉ số so sánh, định lượng về mức thu nhập, tỷ lệ biết chữ, tuổi thọ và một số nhân tố khác của các quốc gia trên thế giới. **HDI** giúp tạo ra một cái nhìn tổng quát về sự phát triển của một quốc gia. Chỉ số này được phát triển bởi một kinh tế gia người Pakistan là Mahbub ul Haq vào năm 1990.

² Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS quốc gia, Hà Nội - 2007.

³ Định nghĩa này là theo công thức được Báo cáo viên đặc biệt Paul Hunt sử dụng trong các báo cáo khác nhau của ông gửi tới Ủy ban Nhân quyền.

quy tắc, chuẩn mực nhân quyền được thiết lập trong khuôn khổ pháp luật quốc gia sẽ chỉ tồn tại trên giấy, nếu như không có hệ thống để giám sát, đánh giá, đo lường hay lượng hóa chúng, xem các chuẩn mực đó được thực hiện trên thực tế đến đâu. Và để biết được điều đó, cần thiết phải có bộ công cụ đặc biệt để đo lường.

Như vậy, các chỉ số nhân quyền nghĩa là để đo việc hưởng thụ nhân quyền bởi chủ thể mang quyền (cá nhân và cộng đồng) và việc thực hiện các cam kết nhân quyền bởi các chủ thể mang nghĩa vụ (nhà nước).

Trên thực tế cho thấy, xây dựng các chỉ số nhân quyền sẽ là công cụ rất quan trọng và hữu ích cho nhà nước để đánh giá về những tiến bộ trong việc thực hiện nhân quyền, trên cơ sở đó đề ra các chương trình, chính sách công thích hợp dựa trên cơ sở quyền con người, và đưa ra những thông tin chính xác nhằm cung cấp cho xã hội; và qua đó tăng cường cơ chế giám sát thực thi nhân quyền; bảo đảm nhân quyền ngày càng được tôn trọng, thúc đẩy và tăng cường trên thực tiễn.

Khi nghiên cứu các chỉ số về nhân quyền, cũng cần có sự phân biệt giữa chỉ số và thống kê.

Chỉ số về nhân quyền bao hàm cả chỉ số định tính và chỉ số định lượng. Giai đoạn ban đầu, xem chỉ số theo nghĩa hẹp là tương ứng với “thống kê” và sau này được sử dụng theo nghĩa rộng hơn, gồm tất cả mọi thông tin thích hợp liên quan tới việc tuân thủ và hưởng thụ các quyền cụ thể. *Và các chỉ số nhân quyền có tính chất nghiêng về phân tích nhiều hơn, gắn với mục đích, có tính xác định cụ thể hoặc một vấn đề quan tâm.*

Trong khi đó, thống kê cung cấp số đo có tính chất miêu tả về những vấn đề khác nhau, thống kê nghiêng về tính chất miêu tả (descriptive). Vì vậy, các dữ liệu thường được diễn tả bằng các con số cụ thể như là bao nhiêu (how much, how many). Chỉ số nhân quyền thường gắn với chính sách, thủ tục và sự phát triển.

Nghiên cứu chỉ số nhân quyền (HRI) cũng cần chỉ ra những điểm chung và sự khác biệt với chỉ số phát triển con người (HDI). HRI dựa vào các chuẩn mực pháp lý quốc tế, xác định tính trách nhiệm của nhà nước, vi phạm trừ nhân quyền nói đến mối quan hệ hai chiều giữa cá nhân với nhà nước. HRI đề đo quyền trong một thời điểm cụ thể và nó dựa vào các nguyên tắc như không phân biệt đối xử, bình đẳng; về lý thuyết (de jure); và trên thực tế (de facto).

HRI gắn với các quy phạm pháp lý về quyền của cá nhân, công dân và nghĩa vụ của Nhà nước. Nội dung các quy phạm pháp lý về quyền được giải thích và phát triển thông qua các bình luận chung/khuyến nghị chung của các uỷ ban công ước và các học giả. Công thức nổi tiếng được áp dụng hiện nay là 4A - Schedule, được áp dụng chủ yếu đối với các quyền về kinh tế, xã hội và văn hoá. Đó là: Availability (tính sẵn có), Accessibility (khả năng tiếp cận được), Acceptability (có thể chấp nhận được) và Adaptability (quality) (khả năng điều chỉnh).

Nghĩa vụ của nhà nước cũng được phát triển và được giải thích. Chẳng hạn như nghĩa vụ tiêu cực/nghĩa vụ thụ động – nghĩa vụ tích cực/nghĩa vụ chủ động – và các

thuật ngữ sử dụng phổ biến hiện nay để nói về nghĩa vụ của nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người, bao gồm ba cấp độ nghĩa vụ. Đó là Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng quyền con người, Nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ quyền con người và Nhà nước có nghĩa vụ thực hiện quyền con người⁴

HDI và HRI có ba đặc điểm chung sau đây⁵:

- Cả hai đều chia sẻ mục tiêu của việc tạo ra thông tin, đưa ra các dấu hiệu chỉ báo về chính sách, và làm thế nào để hiện thực hoá các tự do của con người được tốt hơn, như tự do mong muốn, tự do không bị sợ hãi, và tự do không bị phân biệt đối xử;

- Cả hai đều dựa trên các tiêu chuẩn để đánh giá về kết quả đầu vào và đầu ra để nói về một vấn đề mà không chỉ dựa vào tỷ lệ biết chữ và tỷ lệ tử vong, mà còn tỷ lệ tiêm chủng, tỷ lệ học sinh và giáo viên;

- Cả hai đều sử dụng các số đo như tỷ lệ trung bình để đưa ra những thông tin ở các cấp độ khác nhau.

Những điểm khác nhau:

Nền tảng khái niệm: HDI đánh giá sự phát triển về các khả năng của con người, trong khi đó HRI đánh giá liệu con người có được sống trong nhân phẩm và tự do, và các chủ thể mang nghĩa vụ có thực hiện các nghĩa vụ của mình để bảo đảm các quyền của người dân.

Gây sự chú ý: HDI tập trung chính vào các kết quả đầu ra và dữ liệu đầu vào, nhằm lưu ý về sự chênh lệch mức sống, sự chịu đựng/khó khăn không thể chấp nhận được. HRI cũng tập trung vào kết quả đầu ra, nhưng lại tập trung lưu ý về các chính sách, thực tiễn về pháp lý, thể chế hành chính và đạo đức của công chức.

Thông tin bổ sung: Một sự đánh giá về nhân quyền cần có các dữ liệu phụ, không chỉ là về sự vi phạm, như tra tấn, mất tích mà còn về quá trình quản lý tư pháp, như dữ liệu về cơ quan toà án, khuôn khổ pháp lý và dữ liệu về ý kiến công chúng... Hơn nữa còn nhấn mạnh về dữ liệu dựa trên lăng kính về giới, đạo đức, chủng tộc, quốc tịch, sinh đẻ, nguồn gốc xã hội...

HDI chỉ ra rằng các quyền kinh tế, xã hội còn là một khoảng cách xa giữa lý thuyết và thực tiễn của hàng triệu người. Đó là chỉ số về tỷ lệ đói nghèo, tập trung vào sự tước đoạt nhu yếu phẩm cần thiết nhất về kinh tế, xã hội.

⁴ - Nghĩa vụ tôn trọng là Nhà nước kiềm chế không can thiệp vào các tự do cơ bản của cá nhân, công dân. Đây là nghĩa vụ thụ động của nhà nước.

- Bảo vệ quyền là ngăn ngừa sự vi phạm từ các thực thể khác trong xã hội, và trừng trị các hành vi vi phạm nếu nó xảy ra. Về nghĩa vụ này, Nhà nước xây dựng và hoàn thiện pháp luật, xử lý hành vi vi phạm. Đây là nghĩa vụ chủ động của nhà nước;

Thực hiện quyền. Nhà nước xây dựng chương trình, chiến lược, có kế hoạch cụ thể để hiện thực hoá các quyền đã được pháp luật quy định. Ví dụ để bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, Nhà nước phải xây dựng trường học, đào tạo giáo viên, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học... Đây là nghĩa vụ chủ động của nhà nước.

⁵ <http://hdr.undp.org/en/reports/global/hdr2000/chapters/>. Báo cáo phát triển con người năm 2000 (Chương 5, Sử dụng các chỉ số quyền con người nâng cao tính trách nhiệm giải trình).

2. Các loại chỉ số nhân quyền

Theo đề nghị tại cuộc họp liên ủy ban các công ước về nhân quyền⁶, Văn phòng Cao ủy LHQ về nhân quyền với sự tư vấn của các chuyên gia, đã phát triển một khung khái niệm và phương pháp nhằm xác định và sử dụng chỉ số để thúc đẩy và giám sát thực hiện nhân quyền. Theo đó, Văn phòng cao ủy LHQ về quyền con người công nhận rằng, có ba loại chỉ số về nhân quyền đã được thừa nhận để đo mức độ hưởng thụ và thực hiện nhân quyền. Ba loại chỉ số này không loại trừ nhau mà chúng phụ thuộc lẫn nhau và bổ sung cho nhau.

- Các chỉ số có tính cấu trúc (Structural Indicators)

Chỉ số này phản ánh tình hình thực tế một quốc gia đã phê chuẩn các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người, và sự chuyển hóa các chuẩn mực, quy tắc nhân quyền quốc tế vào chính sách, pháp luật quốc gia đến đâu; cũng như sự tồn tại các cơ chế/thể chế quốc gia có liên quan tới việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (gồm cả cơ chế tư pháp và không có tính tư pháp) để tạo điều kiện cho việc hiện thực hóa nhân quyền. *Chỉ số cấu trúc để đo lường việc tuân thủ về mặt lý thuyết (de jure) đối với các điều ước quốc tế về nhân quyền.*

Chỉ số cấu trúc tập trung phần lớn vào bản chất của hệ thống pháp luật quốc gia có liên quan tới một quyền cụ thể, xem liệu nó đã được nội luật hóa các quy phạm quốc tế và liệu thể chế hiện tại có thúc đẩy và bảo vệ các chuẩn mực đó hay không. Chỉ số cấu trúc cũng xem xét khuôn khổ chính sách và các chiến lược cần thiết của nhà nước có liên quan tới quyền.

- Các chỉ số về quá trình (process indicators)

Chỉ số này chỉ ra các văn kiện, chính sách có liên quan của nhà nước và các nỗ lực mà nhà nước đã áp dụng để thực hiện nhân quyền. Chỉ số này để đo việc thực hiện nhân quyền trên thực tế của nhà nước (de facto).

Bằng việc xác định các chỉ số quá trình tạo ra mối quan hệ nhân quả, giữa việc xác định tính trách nhiệm của nhà nước trong việc thực hiện các nghĩa vụ và qua đó giúp giám sát một cách trực tiếp việc thực hiện nghĩa vụ của nhà nước đối với các quyền một cách liên tục hoặc giám sát vào quá trình bảo vệ quyền của nhà nước.

- Chỉ số kết quả (outcome indicators)

Chỉ số này nhằm để đo kết quả những nỗ lực của nhà nước, nói cách khác là tính hiệu quả và không hiệu quả trong các chính sách. Các chỉ số này để đo việc hưởng thụ trên thực tế các quyền con người.

Chỉ số kết quả không chỉ là thước đo trực tiếp của việc hưởng thụ nhân quyền, mà còn phản ánh tầm quan trọng của chỉ số trong việc đánh giá việc hưởng thụ quyền. Ví dụ, tuổi thọ trung bình hoặc các chỉ số về tỷ lệ tử vong có tạo cơ sở xây dựng chính sách liên quan tới phát triển dân số, giáo dục hoặc nhận thức của công chúng về dân số, cũng

⁶ Cuộc họp liên ủy ban công ước lần thứ 15 ngày 19-21 tháng 6 năm 2006 tại Giơnevơ, Thụy Sĩ.

như bảo đảm cho khả năng sẵn có và khả năng tiếp cận được của cá nhân đối với dinh dưỡng tối thiểu.

Đề nghị họa cho các chỉ số về quyền con người, lấy một ví dụ về quyền thực phẩm tối thiểu được quy định trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Điều 11 như sau⁷:

	Dinh dưỡng	Thực phẩm an toàn và bảo vệ người tiêu dùng	Thực phẩm sẵn có	Khả năng tiếp cận
Chỉ số cấu trúc	Vấn kiện nhân quyền quốc tế liên quan tới quyền thực phẩm tối thiểu đã được quốc gia phê chuẩn - Giai đoạn áp dụng và phạm vi quyền này được quy định trong hiến pháp/lệnh quốc gia - Giai đoạn áp dụng và phạm vi các luật quốc gia liên quan tới việc thực hiện quyền thực phẩm tối thiểu - Số lượng các tổ chức xã hội dân sự có liên quan tới thúc đẩy và bảo vệ quyền thực phẩm tối thiểu đã được đăng ký			
	Giai đoạn áp dụng và phạm vi các tuyên bố chính sách của quốc gia về dinh dưỡng và các quy tắc tối thiểu về dinh dưỡng	- Giai đoạn áp dụng và phạm vi các tuyên bố chính sách về an toàn thực phẩm và bảo vệ người tiêu dùng Số lượng các NGOs hoạt động trên lĩnh vực an toàn thực phẩm và bảo vệ người tiêu dùng	Giai đoạn áp dụng và phạm vi các tuyên bố chính sách về sản phẩm nông nghiệp và sự sẵn có của nguồn thực phẩm Giai đoạn áp dụng và phạm vi các tuyên bố chính sách về hạn hán, sự mất mùa và đối phó với thảm họa thiên nhiên	
Chỉ số quá trình	- Số lượng các khiếu nại về quyền thực phẩm tối thiểu đã được các cơ quan nhân quyền quốc gia (có thể là ủy ban nhân quyền, thanh tra quốc hội hoặc cơ quan khác...) tiếp nhận, và được thụ lý điều tra và giải quyết. - Trợ giúp phát triển chính thức cho an ninh lương thực đã được thực hiện/được cung cấp tương xứng với tỉ lệ cân đối chi tiêu công về an ninh lương thực/tổng thu nhập quốc nội.			
	Tỷ lệ dân số tiêu thụ năng lượng dinh dưỡng thấp	Thời gian trung bình cho việc đăng ký để được tòa án	Tỷ lệ chủ hộ đứng đầu là phụ nữ/ hoặc các nhóm dễ bị tổn	- Chia sẻ những nguồn thực phẩm chính cho nhóm

⁷ Báo cáo về các chỉ số giám sát tuân thủ các văn kiện quốc tế về quyền con người, cuộc họp lần thứ 15 liên ủy ban công ước về quyền con người, Ginevra, 19 – 21 tháng 6 năm 2006. Tài liệu của LHQ, tr. 19.

	Dinh dưỡng	Thực phẩm an toàn và bảo vệ người tiêu dùng	Thực phẩm sẵn có	Khả năng tiếp cận
	hơn mức độ tối thiểu/tỷ lệ dân số được chăm sóc không đúng mức - Tỷ lệ dân số dễ bị tổn thương (trẻ em, phụ nữ có thai, người già...) được hưởng chương trình bổ sung chế độ dinh dưỡng - Phạm vi dân số thuộc nhóm cụ thể được hưởng chương trình công về giáo dục và nâng cao nhận thức về dinh dưỡng Tỷ lệ dân số được tiếp cận bền vững với nguồn nước sạch	người tiêu dùng xem xét giải quyết Chia sẻ ngân sách công thuộc lĩnh vực xã hội dành cho an toàn thực phẩm và vận động bảo vệ người tiêu dùng, giáo dục, nghiên cứu và thực hiện luật và các quy định Tỷ lệ thực phẩm được sản xuất ra và phân phối được thiết lập cơ chế thanh tra về tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm và thường xuyên được thanh tra - Số lượng các vụ việc được lưu giữ trong hồ sơ/được quyết định theo luật về bảo vệ người tiêu dùng và an toàn thực phẩm	thương khác đứng tên chủ sở hữu đất nông nghiệp Tỷ lệ đất trồng trọt, sản xuất trên mỗi người - Chia sẻ ngân sách công dành cho việc tăng cường sản xuất nông nghiệp trong nước (sự mở rộng đất nông nghiệp, tưới tiêu, thị trường... - Nguồn sẵn có trên đầu người thông qua sản phẩm quốc nội, trợ giúp nhập khẩu và thực phẩm Tỷ lệ phụ thuộc nhập khẩu ngũ cốc	dân số dễ bị tổn thương đáp ứng thông qua các chương trình trợ giúp công - Tỷ lệ thất nghiệp/tỷ lệ lương tối thiểu của lực lượng lao động dễ bị tổn thương - Tỷ lệ nghèo đói trong quốc gia Tỷ lệ giới tham gia lao động và các nhóm dễ bị tổn thương khác - Ước tính phụ nữ và trẻ em gái tiếp cận đối với thực phẩm tối thiểu trong gia đình
Các chỉ số kết quả	Tỷ lệ trẻ em thiếu cân dưới 5 tuổi - Tỷ lệ người lớn có chỉ số cơ thể (MBI) ≤ 18.5	Số lượng người chết được lưu trong hồ sơ/thực phẩm ngộ độc liên quan tới quá trình chế biến	Các nguồn thực phẩm sẵn có tiêu thụ tại quốc gia tính trên đầu người	- Tỷ lệ dân số tiêu thụ năng lượng dinh dưỡng dưới mức tối thiểu/ tỷ lệ dân số được chăm sóc không đúng mức.

3. Khả năng xây dựng các chỉ số về quyền con người ở Việt Nam

- Căn cứ chính trị - pháp lý:

+ Tôn trọng và bảo vệ quyền con người là chủ trương lớn nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, một lần nữa nhấn mạnh: "Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết"⁸

+ Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa luật quốc gia và quốc tế, khẳng định ưu thế của luật quốc tế so với luật quốc gia, một khi Việt Nam đã tham gia. Điều 6, K1 quy định: Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

+ Hiến pháp và hệ thống pháp luật Việt Nam đã thể chế hóa một cách căn bản các quy định và tiêu chuẩn pháp luật quốc tế về quyền con người và ngày càng được xây dựng, hoàn thiện theo hướng ưu tiên bảo đảm quyền và các lợi ích hợp pháp của cá nhân, công dân; tôn trọng và bảo đảm các quyền và tự do, dân chủ của người dân.

- Căn cứ thực tiễn:

+ Nhà nước Việt Nam là một thành viên tích cực của LHQ, tính đến nay, Việt Nam đã tham gia 6/9 công ước quốc tế chính về quyền con người⁹.

+ Các chỉ số Việt Nam đã đạt được trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội kể từ khi đất nước thực hiện đường lối đổi mới đến nay là to lớn, trong đó có thành tựu trên lĩnh vực bảo vệ và thúc đẩy quyền con người nói chung, quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương nói riêng (như bảo vệ trẻ em; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; tỷ lệ tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tỷ lệ trẻ em tiếp cận giáo dục; tiếp cận nước sạch; chỉ số bình đẳng giới...); những thành tựu trong xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm quyền giáo dục, an sinh xã hội được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

+ Trong một số năm vừa qua, nhiều cơ quan của Nhà nước Việt Nam cũng đã có kinh nghiệm xây dựng một số loại chỉ số, như chỉ số phát triển con người Việt Nam; Bộ Chỉ số theo dõi và đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS quốc gia của Việt Nam... Hiện nay nhiều bộ/ngành cũng đang thảo luận về khả năng xây dựng các bộ chỉ số khác nhau thuộc phạm vi quản lý nhà nước, chẳng hạn như xây dựng Bộ chỉ số đánh

⁸ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 239.

⁹ Các công ước quốc tế chính về quyền con người bao gồm: Công ước của LHQ về loại trừ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc 1965; Công ước của LHQ về các quyền dân sự và chính trị 1966; Công ước của LHQ về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá 1966; Công ước của LHQ về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ 1979; Công ước của LHQ về quyền trẻ em 1989; Công ước của LHQ về Quyền của người khuyết tật năm 2006. Các công ước còn lại Việt Nam đang nghiên cứu xem xét tham gia, đó là: Công ước bảo vệ quyền của những Công nhân nhập cư và các thành viên gia đình họ, năm 1990; Công ước Chống tra tấn, nhục hình, đối xử hạ thấp và vô nhân đạo năm 1984, và Công ước bảo vệ tất cả những người bị cưỡng bức mất tích năm 2006.

giá tham nhũng: Bộ chỉ số tư pháp cấp tỉnh; Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh....

- *Mục đích và ý nghĩa xây dựng các chỉ số quyền con người*

+ Tạo cơ sở nền tảng cho theo dõi, đánh giá việc thực hiện các cam kết và hành động chung về quyền con người trong phạm vi quốc gia;

+ Cung cấp những số liệu bằng chứng giúp cho công tác hoạch định các chương trình, chính sách, pháp luật theo hướng tiếp cận dựa trên quyền;

- Thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả chương trình theo dõi và đánh giá để cải thiện hệ thống báo cáo thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người trước cộng đồng quốc tế; tạo cơ sở khoa học cho cuộc đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc về tình hình nhân quyền tại Việt Nam;

+ Bảo đảm tính minh bạch trong việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực;

+ Sử dụng số liệu thu thập được để theo dõi tiến trình thực hiện dựa trên Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đề ra;

- Xác định những thông tin thiếu hụt hiện thời và cách thức thu thập những thông tin thiếu hụt đó; đồng thời trên cơ sở đó, nhận biết được những bất cập trong cơ chế, chính sách, thực thi chính sách và mức độ thụ hưởng các quyền và tự do của người dân thông qua chương trình, chính sách.

+ Dưa ra hướng dẫn quản lý số liệu hiệu quả: tăng cường khả năng quản lý, bảo vệ quyền ngày càng tốt hơn.

- *Khả năng và các điều kiện xây dựng Bộ chỉ số về quyền con người*

Một trong những câu hỏi được đặt ra là liệu Việt Nam có nên xây dựng Bộ chỉ số về quyền con người hay không? Đây thực sự là vấn đề lớn, cần có lộ trình và thời gian thích hợp. Trước hết, tập trung nghiên cứu một cách thấu đáo về cả mục đích, ý nghĩa và phương pháp. Nên học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về học thuật, về kỹ năng trong giới chuyên môn. Tham khảo và học tập kinh nghiệm quốc tế, nhất là những nước có chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế, xã hội tương tự như Việt Nam, và cả những nước có trình độ phát triển cao.